

Số: 14/QĐ-TN-ATVSLĐ

Cao Bằng, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về công tác an toàn, vệ sinh lao động

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THỦY NÔNG CAO BẰNG

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số 07/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, về việc Ban hành Điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng;

Căn cứ văn bản thống nhất ý kiến với Ban Chấp hành công đoàn cơ sở;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về công tác An toàn, vệ sinh lao động" của Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng chức năng công ty, Trưởng các Trạm thủy nông trực thuộc và toàn thể Cán bộ, CNVCLĐ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC-HC.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Chí Thành

**QUY ĐỊNH
VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN – VỆ SINH LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-TN-ATVSLĐ, ngày 22/6/2020 của Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng)

Căn cứ Luật số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 về An toàn- vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn - vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số 07/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;

Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng ban hành Quy định an toàn - vệ sinh lao động trong Công ty với các điều khoản sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Bản quy định này quy định tổ chức bộ máy, phân định trách nhiệm công tác an toàn - vệ sinh lao động trong Công ty.

Điều 2. Kinh phí để thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Tổ chức bộ máy an toàn - vệ sinh lao động của Công ty gồm:

1. Bộ phận an toàn - vệ sinh lao động.
2. Bộ phận y tế.
3. Mạng lưới an toàn - vệ sinh viên.

**Chương II
TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM
VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Bộ phận An toàn -vệ sinh lao động, Bộ phận y tế và Mạng lưới an toàn - vệ sinh viên.

1. Cơ cấu tổ chức Bộ phận An toàn - vệ sinh lao động

Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm:

- a) Người làm bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động của cơ sở.
- b) Người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

2. Cơ cấu tổ chức của Bộ phận Y tế.

Do Công ty không bố trí người làm công tác y tế và không thành lập bộ phận y tế (quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ), nên Công ty tiến hành ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động .

3. Cơ cấu tổ chức của Mạng lưới an toàn - vệ sinh viên:

a. Mạng lưới an toàn - vệ sinh viên gồm những người lao động trực tiếp, có am hiểu về nghiệp vụ, nhiệt tình, gương mẫu trong việc chấp hành các quy định về công tác an toàn - vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.

b. Mỗi phòng, tổ sản xuất phải bố trí ít nhất một an toàn - vệ sinh viên.

c. An toàn - vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở, trên cơ sở "Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn - vệ sinh viên".

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của bộ phận An toàn – vệ sinh lao động.

1. Chức năng:

Bộ phận an toàn - vệ sinh lao động có chức năng tham mưu, giúp việc cho người sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động.

2. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ trong Công ty;

b) Quản lý theo dõi việc đăng ký, kiểm định các máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động;

c) Xây dựng kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động hàng năm và đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch; đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp;

d) Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn - vệ sinh lao động của Nhà nước, của Công ty trong phạm vi công ty;

đ) Tổ chức huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động cho người lao động;

e) Kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động theo định kỳ ít nhất 6 tháng 1 lần các đơn vị sản xuất trực thuộc;

g) Kiểm tra môi trường lao động, theo dõi tình hình thương tật, bệnh tật phát sinh do nghề nghiệp; đề xuất với Giám đốc công ty các biện pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe lao động;

h) Phối hợp với Ban Chấp hành công đoàn cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của an toàn- vệ sinh viên.

i) Đề xuất tham gia kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn - vệ sinh lao động;

k) Đề xuất với người sử dụng lao động biện pháp khắc phục các tồn tại về an toàn - vệ sinh lao động;

3. Quyền hạn:

a) Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc hoặc có thể quyết định việc tạm đình chỉ công việc (trong trường hợp khẩn cấp) khi phát hiện các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động để thi hành các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, đồng thời phải báo cáo người sử dụng lao động về tình trạng này.

b) Đình chỉ hoạt động của máy, thiết bị không đảm bảo an toàn hoặc đã hết hạn sử dụng.

c) Tham gia điều tra, thống kê, báo cáo và quản lý các vụ tai nạn lao động theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Tham dự các buổi họp giao ban sản xuất, sơ kết, tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động.

đ) Tham gia góp ý về lĩnh vực an toàn - vệ sinh lao động tại các cuộc họp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong việc lập và duyệt các đề án thiết kế, thi công, nghiệm thu, trong việc tổ chức tiếp nhận và đưa vào sử dụng nhà xưởng, máy, thiết bị.

e) Tổng hợp và đề xuất với Giám đốc công ty giải quyết các đề xuất, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra của các đơn vị cấp dưới hoặc của người lao động.

g) Tham gia ý kiến vào việc thi đua, khen thưởng; tổng hợp, đề xuất khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Mạng lưới An toàn -vệ sinh viên.

1. Nhiệm vụ.

a) Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, đội trưởng chấp hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư và nơi làm việc;

c) Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ, cụm công trình;

d) Kiến nghị với Trạng trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời



những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, chất, vật tư và nơi làm việc;

đ) Báo cáo tổ chức Công đoàn hoặc Thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, chất, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.

2. Quyền hạn.

a) Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà người sử dụng lao động tiến hành để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

b) Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên nhưng vẫn được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ và được hưởng phụ cấp trách nhiệm;

c) Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động và chịu trách nhiệm về quyết định đó;

d) Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Điều 7. Một số quy định chung về an toàn lao động.

a) Công nhân lao động (CNLD) chỉ được vận hành máy, thiết bị theo đúng trình tự đã được huấn luyện, hướng dẫn.

b) CNLD phải thực hiện sự chỉ dẫn của bảng cấm, bảng chỉ dẫn, chỉ dẫn treo hoặc gắn ở máy hoặc thiết bị sản xuất.

c) CNLD không được sử dụng, sửa chữa các máy, thiết bị khi chưa được huấn luyện về các quy tắc an toàn và quy trình vận hành của máy móc, thiết bị đó.

d) Trong giờ làm việc, CB-CNV phải giữ gìn các trang bị, phương tiện bảo hộ cá nhân và các dụng cụ đã được cấp phát.

đ) Không được tháo gỡ, giảm hiệu quả của các thiết bị an toàn.

e) CB- CNLD không được tự do đi lại các nơi không thuộc trách nhiệm của mình.

g) CNLD phải báo ngay cho người quản lý khi thấy máy, thiết bị có sự cố hoặc nghi ngờ có sự cố.

h) Không được hút thuốc lá, phát lửa trong cơ quan, khu vực sản xuất.

i) Không được để dầu mỡ rơi vãi trên sàn.

k) Các phương tiện vật liệu, sản phẩm, phế liệu không được để sát lối đi, cửa thoát hiểm, tủ điện, phương tiện chữa cháy, tủ thuốc sơ cấp cứu.

l) Nơi làm việc phải ngăn nắp, không được để dụng cụ, dây điện, vật tư, trang thiết bị, các phương tiện gây cản trở sự hoạt động và đi lại.

m) CNLD không được tự ý sử dụng, sửa chữa thiết bị, máy móc không thuộc trách nhiệm của mình.

n) Máy đang sửa chữa phải có báo cáo, máy có điện phải ngắt cầu dao điện trước khi sửa chữa.

o) Khi chuẩn bị vận hành máy hoặc sau khi sửa chữa, phải xem còn dụng cụ, chi tiết nằm trên máy hay không và không có người đứng trong phạm vi nguy hiểm, mới được vận hành máy.

p) Khi xảy ra sự cố tai nạn, người có mặt tại hiện trường phải:

- Khẩn cấp dừng máy hoặc cúp điện nơi xảy ra tai nạn.
- Khẩn trương sơ cứu nạn nhân và báo ngay cho người quản lý.
- Tham gia bảo vệ hiện trường để người có trách nhiệm xử lý.

q) CB- CNV phải lập tức rời khỏi khu vực nguy hiểm và báo ngay cho quản lý khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn tại nơi mình làm việc.

r) CB- CNV có nghĩa vụ thông báo, khai báo với Công ty về sự cố lao động, việc vi phạm nguyên tắc an toàn lao động xảy ra tại công ty.

Chương IV NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG ĐIỆN VÀ CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN

Điều 8. Về đường dây dẫn điện.

- Dây dẫn điện phải được tính toán phù hợp với công suất của toàn mạng tiêu thụ để tránh bị nóng lên trong thời gian sử dụng điện.
- Đường dây dẫn điện trong phải là dây có vỏ bọc. Các điểm nối cũng phải được bọc kín.
- Mỗi trạm Thủy nông phải có Automat thích hợp với công suất tiêu thụ điện trong phòng.

Điều 9. Các thiết bị sử dụng điện.

- Các thiết bị sử dụng điện phải có phích cắm vào ổ điện, phù hợp với công suất tiêu thụ điện. Tuyệt đối không cắm trực tiếp đầu dây dẫn điện vào ổ điện không qua phích cắm.
- Các thiết bị sử dụng điện phải có dây nối đất hoặc nối không.
- Khi vận hành và sử dụng các thiết bị điện như mô-tơ điện, bếp điện, máy bơm điện... phải có người thường xuyên theo dõi.
- Phải tắt điện khi thôi hoặc ngừng sử dụng các thiết bị điện.

Điều 10. Phòng chống cháy nổ.

- Các thiết bị sử dụng điện phải có cầu chì hoặc thiết bị tự động ngắt mạch khi bị chập mạch giữa các pha và giữa pha với đất. Dây chì phải có kích thước phù



hợp với cường độ dòng tối đa của thiết bị. Không được thay dây chì bằng các loại dây khác.

- Các thiết bị sử dụng điện phải được bảo dưỡng định kỳ và giữ gìn sạch sẽ, khô ráo, tránh ẩm ướt gây ra chập mạch.

- Môi trường đặt các thiết bị điện phải hợp lý. Nếu ở nơi có hơi ẩm hoặc hơi ăn mòn, thiết bị phải được bọc kín, có cách điện đảm bảo.

Điều 11. Dập tắt đám cháy do điện gây ra.

- Khi xảy ra cháy do điện gây ra thì công việc trước tiên phải cắt mọi nguồn điện tới nơi đang bị cháy và các khu vực lân cận.

- Sau đó tiến hành việc dập lửa. Người cứu hoả phải mang trang bị an toàn đảm bảo tính cách điện. Phải dùng bình bọt, hơi thán khí hoặc cát khô để dập lửa.

- Trong trường hợp thật cần thiết, khi đám cháy đã lan rộng và chỉ sau khi đã biết chắc chắn mọi nguồn điện dẫn đến đám cháy đã được cách ly, có thể dùng vòi nước hoặc gầu vẩy nước để dập tắt lửa.

Điều 12. Tổ chức cấp cứu khi bị điện giật. Khi có người bị điện giật phải tiến hành các bước sau đây:

- Giải phóng nạn nhân khỏi nguồn điện, nhanh chóng cắt nguồn điện. Dùng những dụng cụ khô ráo, cách điện, găng cách điện để giải phóng nạn nhân mà vẫn cách điện được với nạn nhân. Phải đảm bảo cách điện giữa người cứu với đất, bằng cách đi ủng, đứng trên gỗ khô... Khi nạn nhân ở trên cao phải có biện pháp hứng đỡ nạn nhân khi cắt dòng điện.

- Hô hấp nhân tạo: dùng các biện pháp hô hấp nhân tạo khác nhau liên tục cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh (có khi phải kéo dài nhiều giờ). Có thể dùng phương pháp thổi ngạt.

- Báo gọi y tế: Song song với hô hấp nhân tạo phải báo gọi y tế để hỗ trợ cấp cứu.

Chương V KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 13. Khen thưởng.

- Các bộ phận, các cá nhân thực hiện tốt công tác ATLĐ, PCCC sẽ được xét tặng danh hiệu thi đua.

- Các cá nhân có hành động dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm trong việc cứu người bị nạn và bảo vệ tài sản của đơn vị sẽ được đề nghị biểu dương khen thưởng.

Điều 14. Kỷ luật.

Các bộ phận và cá nhân do thiếu trách nhiệm hoặc cố ý để xảy ra sự cố cháy nổ và mất ATLĐ, tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật từ khiển trách đến truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy định chi tiết.

- Trưởng Phòng Tổ chức- Hành chính, các Phòng ban, các Trạm Thủy nông trực thuộc và toàn thể cán bộ CNVC LĐ trong công ty có trách nhiệm thi hành Quy định này.

- Những nội dung không được nêu trong quy định này sẽ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những điểm chưa hợp lý, Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến đóng góp để trình Giám đốc công ty xem xét và có quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế của Công ty./.

GIÁM ĐỐC



La Chí Thành
La Chí Thành

TRÌNH TỰ KHAI BÁO, ĐIỀU TRA, BÁO CÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG
(Theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

I. PHÂN LOẠI TNLD (3 loại)

1. TNLD chết người.

- a) Chết tại nơi xảy ra tai nạn;
- b) Chết trên đường đi cấp cứu hoặc trong thời gian cấp cứu;
- c) Chết trong thời gian Điều trị hoặc chết do tái phát của vết thương do tai nạn lao động gây ra theo kết luận tại biên bản giám định pháp y;
- d) Người lao động được tuyên bố chết theo kết luận của Tòa án đối với trường hợp mất tích.

2. TNLD làm người lao động bị thương nặng (quy định tại Phụ lục II)

3. TNLD làm người lao động bị thương nhẹ (là TNLD không thuộc mục 1 và 2 trên)

II. NHẬN DIỆN, ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI

Căn cứ vào tính chất công việc và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thủy nông tại cơ sở, xác định một số yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại chủ yếu dẫn đến nguy cơ bị Tai nạn lao động và mắc bệnh nghề nghiệp đối với người lao động như sau:

1. Nguy cơ điện giật
2. Nguy cơ ngã cao
3. Nguy cơ đuối nước
4. Ảnh hưởng tiếng ồn
5. Nguy cơ tai nạn giao thông

III. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỦA CƠ SỞ XẢY RA TNLD

1. Kịp thời tổ chức sơ cứu, cấp cứu người bị nạn.
2. Khai báo tai nạn lao động theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.
3. Giữ nguyên hiện trường vụ tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Trường hợp phải cấp cứu người bị nạn, ngăn chặn những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra cho người khác mà làm xáo trộn hiện trường thì người sử dụng lao động của cơ sở xảy ra tai nạn lao động phải có trách nhiệm vẽ lại sơ đồ hiện trường, lập biên bản, chụp ảnh, quay phim hiện trường (nếu có thể);

b) Chỉ được xóa bỏ hiện trường và mai táng tử thi (nếu có) sau khi đã hoàn thành các bước Điều tra theo quy định của Nghị định này và được sự đồng ý bằng văn bản của Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh hoặc cơ quan công an.

4. Cung cấp ngay tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn theo yêu cầu của Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu, đồ vật, phương tiện đó.

5. Tạo Điều kiện cho người lao động liên quan đến vụ tai nạn cung cấp thông tin cho Đoàn Điều tra tai nạn lao động khi được yêu cầu.

6. Thành lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để Điều tra các vụ tai nạn lao động thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

7. Thông báo đầy đủ thông tin liên quan về tai nạn lao động tới tất cả người lao động thuộc cơ sở của mình.

8. Hoàn chỉnh hồ sơ và lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động cho người lao động trong thời gian như sau:

a) 15 năm đối với vụ tai nạn lao động chết người;

b) Đến khi người bị tai nạn lao động nghỉ hưu đối với vụ tai nạn lao động khác.

9. Thanh toán các Khoản chi phí phục vụ cho việc Điều tra tai nạn lao động kể cả việc Điều tra lại tai nạn lao động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 27 Nghị định này, trừ trường hợp tai nạn lao động được Điều tra lại theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

10. Thực hiện các biện pháp khắc phục và giải quyết hậu quả do tai nạn lao động gây ra; tổ chức rút kinh nghiệm; thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị ghi trong biên bản Điều tra tai nạn lao động; xử lý theo thẩm quyền những người có lỗi để xảy ra tai nạn lao động.

III. ĐỐI VỚI TNLĐ NHE HOẶC TNLĐ BỊ THƯƠNG NẶNG 01 NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Quyết định thành lập Đoàn điều tra TNLĐ cấp cơ sở (Công ty)

Khi xảy ra TNLĐ (sau khi nhận được tin báo) Công ty phải thành lập ngay Đoàn điều tra TNLĐ cấp cơ sở để tiến hành điều tra TNLĐ theo mẫu quy định tại Phụ lục V nghị định này.

a) Thành phần Đoàn điều tra TLNĐ gồm có: người sử dụng lao động hoặc người đại diện được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở, người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.

b) Nhiệm vụ của thành viên Đoàn Điều tra TNLĐ.

* Trưởng Đoàn Điều tra TNLĐ có nhiệm vụ:

- Quyết định tiến hành việc Điều tra ngay, kể cả trường hợp vắng một trong các thành viên Đoàn Điều tra;
 - Phân công cụ thể nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Đoàn Điều tra;
 - Tổ chức thảo luận về kết quả Điều tra vụ tai nạn lao động; quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với kết quả Điều tra tai nạn lao động;
 - Tổ chức, chủ trì cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động.
- * Các thành viên Đoàn Điều tra TNLĐ có nhiệm vụ:

- Thực hiện nhiệm vụ do Trưởng đoàn phân công và tham gia vào hoạt động chung của Đoàn Điều tra;
- Không được Tiết lộ thông tin, tài liệu trong quá trình Điều tra khi chưa công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động.

2. Quy trình, thủ tục Điều tra TNLĐ của Đoàn Điều tra TNLĐ cấp cơ sở (Công ty)

Đoàn Điều tra TNLĐ cấp cơ sở Điều tra theo quy trình, thủ tục sau đây:

- 2.1. Thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn lao động.
- 2.2. Lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này.
- 2.3. Đề nghị giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu xét thấy cần thiết).
- 2.4. Phân tích kết luận về: diễn biến, nguyên nhân gây ra tai nạn lao động; kết luận về vụ tai nạn lao động; mức độ vi phạm và đề nghị hình thức xử lý đối với người có lỗi trong vụ tai nạn lao động; các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn.
- 2.5. Lập Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại *Phụ lục IX* ban hành kèm theo Nghị định này.
- 2.6. Tổ chức cuộc họp và lập Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại *Phụ lục XI* kèm theo Nghị định này.
- 2.7. Thành phần cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động bao gồm:
 - a) Trưởng đoàn Điều tra tai nạn lao động;
 - b) Người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản;
 - c) Thành viên Đoàn Điều tra tai nạn lao động;
 - d) Người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn;
 - đ) Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

2.8. Thành viên dự họp có ý kiến không nhất trí với nội dung Biên bản Điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên vào Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động.

2.9. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động, Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gửi Biên bản Điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động tới người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân người bị nạn; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi người sử dụng lao động có người bị nạn đặt trụ sở chính; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra tai nạn lao động.

3. Hồ sơ vụ tai nạn lao động.

3.1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập Hồ sơ vụ tai nạn lao động. Hồ sơ bao gồm bản chính hoặc bản sao các tài liệu sau đây:

- a) Biên bản khám nghiệm hiện trường (nếu có);
- b) Sơ đồ hiện trường;
- c) Ảnh hiện trường, ảnh nạn nhân;
- d) Biên bản khám nghiệm tử thi hoặc khám nghiệm thương tích, trừ trường hợp mất tích theo tuyên bố của Tòa án;
- đ) Biên bản giám định kỹ thuật, giám định pháp y, kết luận giám định tư pháp (nếu có);
- e) Biên bản lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động;
- g) Biên bản Điều tra tai nạn lao động;
- h) Biên bản cuộc họp công bố biên bản Điều tra tai nạn lao động;
- i) Giấy chứng thương của cơ sở y tế được Điều trị (nếu có);
- k) Giấy ra viện của cơ sở y tế được Điều trị (nếu có).

3.2. Trong một vụ tai nạn lao động, nếu có nhiều người bị tai nạn lao động thì mỗi người bị tai nạn lao động được lập một bộ hồ sơ riêng.

3.3. Lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động

Người sử dụng lao động lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động; Hoàn chỉnh hồ sơ và lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động cho người lao động trong thời gian như sau:

- a) 15 năm đối với vụ tai nạn lao động chết người;
- b) Đến khi người bị tai nạn lao động nghỉ hưu đối với vụ tai nạn lao động khác.

IV. ĐỐI VỚI TNLĐ CHẾT NGƯỜI HOẶC LÀM BỊ THƯƠNG NẶNG TỪ 02 NGƯỜI LAO ĐỘNG TRỞ LÊN

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo (trực tiếp hoặc điện thoại) ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an huyện.

Nội dung khai báo theo mẫu quy định tại *Phụ lục III* ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu quy định tại *Phụ lục VI* ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Nhiệm vụ của thành viên Đoàn Điều tra TNLĐ cấp Tỉnh. (Nhiệm vụ của Đoàn Điều tra TNLĐ cấp cơ sở "Công ty", và thêm: Có quyền nêu và bảo lưu ý kiến; trường hợp không thống nhất với quyết định của Trưởng đoàn Điều tra tai nạn lao động thì báo cáo lãnh đạo cơ quan chủ trì tham gia Đoàn Điều tra;)

4. Quy trình, thủ tục Điều tra tai nạn lao động của Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh

Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh Điều tra theo quy trình, thủ tục sau đây:

1. Thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn lao động.
2. Lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động theo mẫu quy định tại *Phụ lục VIII* ban hành kèm theo Nghị định này.
3. Đề nghị giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu xét thấy cần thiết).
4. Phân tích kết luận về: diễn biến, nguyên nhân gây ra tai nạn lao động; kết luận về vụ tai nạn lao động; mức độ vi phạm và đề nghị hình thức xử lý đối với người có lỗi trong vụ tai nạn lao động; các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn.
5. Lập Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại *Phụ lục X* ban hành kèm theo Nghị định này.
6. Tổ chức cuộc họp và lập Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại *Phụ lục XI* ban hành kèm theo Nghị định này tại cơ sở hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn.
7. Thành phần cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động gồm:
 - a) Trưởng đoàn Điều tra tai nạn lao động;
 - b) Thành viên đoàn Điều tra tai nạn lao động;
 - c) Người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản trong trường hợp người lao động bị tai nạn làm việc theo hợp đồng

lao động; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi xảy ra tai nạn trong trường hợp người lao động bị tai nạn làm việc không theo hợp đồng lao động;

d) Người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn, người biết sự việc, người có liên quan đến vụ tai nạn;

đ) Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở nơi chưa thành lập Công đoàn cơ sở trong trường hợp người lao động bị tai nạn làm việc theo hợp đồng lao động;

e) Mời đại diện cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân đã tham gia Điều tra trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người.

8. Thành viên dự họp có ý kiến không nhất trí với nội dung Biên bản Điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên vào Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động; người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản ký tên, đóng dấu (nếu có) vào Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động.

9. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động, Đoàn Điều tra tai nạn lao động gửi Biên bản Điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động tới các cơ quan có thành viên trong Đoàn Điều tra tai nạn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, người sử dụng lao động và nạn nhân hoặc thân nhân người bị nạn.

*** Khoản 7, Điều 35, Chương III Luật An toàn vệ sinh lao động, quy định:**

Trong quá trình điều tra tai nạn lao động mà phát hiện có dấu hiệu tội phạm, Đoàn điều tra phải báo cáo bằng văn bản, kèm theo các tài liệu, chuyển giao đồ vật, phương tiện liên quan (nếu có) cho cơ quan điều tra để xem xét, khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Thời hạn giải quyết đối với kiến nghị khởi tố thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; trường hợp cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án, thì trong thời hạn 05 ngày, kể từ khi ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan điều tra có trách nhiệm cung cấp và chuyển giao cho Đoàn điều tra tai nạn lao động các tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến vụ tai nạn lao động.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC CHẤN THƯƠNG ĐỂ XÁC ĐỊNH LOẠI TAI NẠN LAO ĐỘNG NẶNG

(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

MÃ SỐ/TÊN CHẤN THƯƠNG

- 01/Đầu, mặt, cổ
- 011./Các chấn thương sọ não hở hoặc kín;
- 012./Dập não;
- 013./Máu tụ trong sọ;
- 014./Vỡ sọ;
- 015./Bị lột da đầu;
- 016./Tổn thương đồng tử mắt;
- 017./Vỡ và dập các xương cuồn của sọ;
- 018./Vỡ các xương hàm mặt;
- 019./Tổn thương phần mềm rộng ở mặt;
- 0110/Bị thương vào cổ, tác hại đến thanh quản và thực quản.
- 02/Ngực, bụng
- 021./Tổn thương lồng ngực tác hại đến cơ quan bên trong;
- 022./Hội chứng chèn ép trung thất;
- 023./Dập lồng ngực hay lồng ngực bị ép nặng;
- 024./Gãy xương sườn;
- 025./Tổn thương phần mềm rộng ở bụng;
- 026./Bị thương và dập mạnh ở bụng tác hại tới các cơ quan bên trong;
- 027./Thủng, vỡ tạng trong ổ bụng;
- 028./Đụng, dập, ảnh hưởng tới vận động của xương sống;
- 029./Vỡ, trật xương sống;
- 0210./Vỡ xương chậu;
- 0211./Tổn thương xương chậu ảnh hưởng lớn tới vận động của thân và chi dưới;
- 0212./Tổn thương cơ quan sinh dục.
- 03/Phần chi trên
- 031./Tổn thương xương, thần kinh, mạch máu ảnh hưởng tới vận động của chi trên;

- 032./Tổn thương phần mềm rộng khắp ở các chi trên;
- 033./Tổn thương ở vai, cánh tay, bàn tay, cổ tay làm hại đến các gân;
- 034./Đập, gãy, vỡ nát các xương đòn, bả vai, cánh tay, cẳng tay, cổ tay, bàn tay, đốt ngón tay;
- 035./Trật, trật các khớp xương.
- 04/Phần chi dưới
- 041./Chấn thương ở các chi dưới gây tổn thương mạch máu, thần kinh, xương ảnh hưởng tới vận động của các chi dưới;
- 042./Bị thương rộng khắp ở chi dưới;
- 043./Gãy và dập xương hông, khớp hông, đùi, đầu gối, ống, cổ chân, bàn chân và các ngón.
- 05/Bỏng
- 051./Bỏng độ 3;
- 052./Bỏng do nhiệt rộng khắp độ 2, độ 3;
- 053./Bỏng nặng do hóa chất độ 2, độ 3;
- 054./Bỏng điện nặng;
- 055./Bị bỏng lạnh độ 3;
- 056./Bị bỏng lạnh rộng khắp độ 2, độ 3.
- 06/Nhiễm độc các chất sau ở mức độ nặng
- 061./Ô xít cacbon: bị ngất, mê sảng, rối loạn dinh dưỡng của da, sung phổi, trạng thái trong người bàng hoàng, tâm lý mệt mỏi, uể oải, suy giảm trí nhớ, có những biến đổi rõ rệt trong bộ phận tuần hoàn;
- 062./Ô xít nitơ: hình thức sung phổi hoàn toàn, biến chứng hoặc không biến chứng thành viêm phế quản;
- 063./Hydro sunfua: kích thích mạnh, trạng thái động kinh, có thể sung phổi, mê sảng;
- 064./Ô xít các bon níc ở nồng độ cao: ngừng thở, sau đó thở chậm chạp, chảy máu ở mũi, miệng và ruột, suy nhược, ngất;
- 065./Nhiễm độc cấp các loại hóa chất bảo vệ thực vật;
- 066./Các loại hóa chất độc khác thuộc danh Mục phải khai báo, đăng ký.